TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/DS-ST
Ngày 08/5/2023
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Phạm Hoàng Kiệt** .

2- Bà **Nguyễn Thị Hồng Thắm**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Út Sang**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang: Ông **Trần Ngọc Nhiều**. Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 113/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Ấp VL, xã HC, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Anh **Huỳnh Sơn Đ**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp L12, xã VH, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 10/01/2023, anh Đ có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T: Luật sư **Dương Minh Biên**- Cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn: Vợ chồng chị **Lê Thị Mỹ C**, sinh năm 1980 và anh **Trang Văn T**, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Ấp VL, xã HC, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. (Chị Cvà anh Tđều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2022 của nguyên đơn ông Huỳnh Văn T và những lời khai khác của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:

Ngày 07/01/2020 âm lịch, ông Huỳnh Văn T cho vợ chồng chị Lê Thị Mỹ C, anh Trang Văn T vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), lãi suất 15%/tháng, thời hạn vay 12 tháng thì chị C, anh T trả tiền gốc và lãi cho ông T. Từ khi vay đến nay vợ chồng chị C, anh T không trả tiền gốc cho ông T. Theo nội dung đơn khởi kiện, ông T yêu cầu chị C, anh T trả số tiền gốc là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 07/01/2020 âm lịch đến khi xét xử, lãi suất tính theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của ông T là anh Huỳnh Sơn Đ sửa đổi lại nội dung khởi kiện là yêu cầu vợ chồng chị C, anh T trả cho ông T số tiền gốc là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 07/7/2020 âm lịch đến khi xét xử, lãi suất tính theo quy định của pháp luật.

Bị đơn vợ chồng chị Lê Thị Mỹ C, anh Trang Văn T được Tòa án thông báo và triệu tập tham gia giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của ông T là anh Huỳnh Sơn Đ chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị C, anh T trả cho ông T số tiền gốc là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), đối với yêu cầu tính lãi thì anh xin rút lại, đồng ý bớt toàn bộ số lãi cho vợ chồng chị C, anh T.

Luật sư Dương Minh Biên, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông Huỳnh Văn T trình bày: Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể tại các biên bản hòa giải của BLĐ ấp VL, của UBND xã HC đã thể hiện việc chị Lê Thị Mỹ C thừa nhận có thiếu tiền ông T với số tiền là 20.000.000đ và đã thỏa thuận thời gian thanh toán với nhau nhưng do chị C không thực hiện theo thỏa thuận nên nguyên đơn mới làm đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thống nhất chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền nợ gốc là 20.000.000đ và bớt toàn bộ tiền lãi. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà, HĐXX và Thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, buộc vợ chồng chị Lê Thị Mỹ C và anh Trang Văn T trả cho ông Huỳnh Văn T số tiền nợ vay gốc là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Đối với yêu cầu tính lãi, do tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đồng ý bớt toàn bộ số tiền lãi và rút lại phần yêu cầu này nên đề nghị HĐXX ghi nhận ý kiến này để đình chỉ giải quyết về yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Xét mối quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự, nơi bị đơn cư trú tọa lạc trên địa phận hành chính của huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T đối với chị Lê Thị Mỹ C, anh Trang Văn T là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, cụ thể là vay tiền, giao dịch được xác lập vào năm 2020 nên quan hệ tranh chấp trên được điều chỉnh theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Huỳnh Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có người đại diện theo ủy quyền là anh Huỳnh Sơn Đ tham gia phiên tòa. Bị đơn chị Lê Thị Mỹ C, anh Trang Văn T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ đểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2, 3 Điều 228, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án khi vắng mặt bị đơn.

[4] Về nội dung vụ án: Ông Huỳnh Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị Lê Thị Mỹ C, anh Trang Văn T trả cho ông T số tiền nợ là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã rút lại yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền vay, HĐXX ghi nhận để đình chỉ phần này theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của ông T buộc vợ chồng chị C và anh Tcó trách nhiệm trả lại cho ông số tiền vay là 20.000.000đ.

Xét thấy, mặc dù bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng căn cứ vào chứng có trong hồ sơ thể hiện, cụ thể tại các biên bản hòa giải ngày 26/01/2021 của Ban lãnh đạo ấp VL, biên bản hòa giải ngày 26/02/2021 của UBND xã HC đã hòa giải nội dung yêu cầu của ông Huỳnh T là nguyên đơn đối với bị đơn chị Lê Thị Mỹ C về số tiền nợ vay 20.000.000đ thì chị Lê Thị Mỹ C thừa nhận và đã thống nhất thỏa thuận với ông T về thời gian thanh toán là mỗi tháng trả 5.000.000đ, thời gian trả lần đầu từ ngày 30/01/2021 âm lịch nhưng do chị C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên từ đó ông T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Như vậy, từ các chứng cứ trên có đủ cơ sở đề Hội đồng xét xử xác định được vợ chồng chị C và anh T còn nợ ông Huỳnh Văn T số tiền vay là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và hẹn sẽ thanh toán lần đầu vào ngày 30/01/2021 âm lịch nhưng chị C và anh T không thực hiện nên đã vi phạm nghĩa vụ về thời gian trả nợ. Vì vậy, ông Huỳnh Văn T khởi kiện yêu cầu chị C và anh T trả số tiền nợ 20.000.000đ là có căn cứ để chấp nhận.

Từ nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất buộc vợ chồng chị C và anh T có trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Văn T số tiền nợ là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên vợ chồng chị Lê Thị Mỹ C, anh Trang Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 20.000.000đ x 5% = 1.000.000đ (Một triệu đồng)

Ông Huỳnh Văn T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003454 ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26, 39, 94, 147, điểm b Điều 227, khoản 2,3 Điều 228, điểm c Điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T với vợ chồng chị Lê Thị Mỹ C và anh Trang Văn T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc vợ chồng chị Lê Thị Mỹ C và anh Trang Văn T trả ông Huỳnh Văn T số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T với vợ chồng chị Lê Thị Mỹ C và anh Trang Văn T về việc tính lãi suất từ hợp đồng vay tài sản.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên vợ chồng chị Lê Thị Mỹ C, anh Trang Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 20.000.000đ x 5% = 1.000.000đ (Một triệu đồng)

Ông Huỳnh Văn T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003454 ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, đại diện nguyên đơn có mặt, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/5/2023). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang*
- *VKSND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện cùng cấp;*
- *THADS huyện cùng cấp;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lư Quốc Thịnh